

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo Ban Tổng giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán riêng	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Năng Tuyển	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2022)
Ông Đào Nguyên Đăng	Phó Tổng giám đốc phụ trách (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2022)
Ông Đào Nguyên Đăng	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng (Đến ngày 01/10/2022)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Tuyển	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên
Ông Kiều Mạnh Hùng	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Nguyên Đặng

Số: 36-1/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: Quý Cổ đông, Ban lãnh đạo
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2023-242-1

Nguyễn Thị Thủy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4057-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.701.637.220	42.739.520.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.734.836.353	18.787.015.696
1. Tiền	111		6.734.836.353	7.787.015.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.233.756.804	23.252.322.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.438.512.069	4.483.451.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.256.509.929	2.272.096.983
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	8.000.000.000	7.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	8.242.030.217	9.500.069.696
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(703.295.411)	(703.295.411)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		733.044.063	700.182.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.814.672	18.251.004
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.043.409
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	731.229.391	679.887.691
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.373.850.772	207.903.620.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.904.060.520	20.404.060.520
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	4.500.000.000	20.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	404.060.520	404.060.520
II. Tài sản cố định	220		21.829.503.844	49.207.257.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.496.075.830	41.852.159.889
- Nguyên giá	222		367.166.159.649	369.418.829.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.670.083.819)	(327.566.669.321)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.333.428.014	7.355.097.914
- Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.511.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.669.900)	(156.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	159.750.000.000	132.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.300.000.000	82.300.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		77.450.000.000	49.950.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.890.286.408	6.042.301.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.890.286.408	6.038.623.967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.678.017
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.075.487.992	250.643.140.591

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		115.803.788.996	130.134.954.072
I. Nợ ngắn hạn	310		100.324.122.006	114.632.877.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.663.069.928	1.740.530.482
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.809.133	39.034.399
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.006.594.611	5.892.242.250
4. Phải trả người lao động	314		796.859.756	915.418.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	33.042.579.620	28.739.336.392
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		179.975.309	144.253.474
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.622.557.520	7.594.759.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	54.734.817.337	68.916.238.906
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.858.792	651.063.791
II. Nợ dài hạn	330		15.479.666.990	15.502.076.255
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	15.479.666.990	15.502.076.255
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.271.698.996	120.508.186.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	109.271.698.996	120.508.186.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(77.152.562.177)	(65.916.074.654)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(65.916.074.654)	(49.015.008.879)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.236.487.523)	(16.901.065.775)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.075.487.992	250.643.140.591

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyễn Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B02 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.099.035.520	32.790.791.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		424.019.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	27.675.016.020	32.790.791.993
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.117.585.280	53.278.721.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.442.569.260)	(20.487.929.386)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.727.073.070	15.761.388.978
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.642.350.700	4.180.669.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.326.031.170	3.976.849.781
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.050.076.825	8.151.759.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.407.923.715)	(17.058.969.860)
11. Thu nhập khác	31	6.6	156.128.884	330.153.290
12. Chi phí khác	32	6.7	1.981.014.675	166.732.181
13. Lợi nhuận khác	40		(1.824.885.791)	163.421.109
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.8	(11.232.809.506)	(16.895.548.751)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	3.678.017	5.517.024
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.236.487.523)	(16.901.065.775)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Phương

Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(11.232.809.506)	(16.895.548.751)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		26.861.601.632	29.493.322.031
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.315.308.751	(1.646.869.686)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.625.930.131)	(14.073.455.573)
Chi phí lãi vay	06		3.326.031.170	3.976.849.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		8.644.201.916	854.297.802
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		536.408.530	2.944.631.175
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(49.298.291)	2.572.396.749
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.048.482.117)	5.470.352.813
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.164.773.891	10.046.526.180
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(415.204.999)	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.832.398.930	21.882.204.719
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm; xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(142.526.803)	-
2. Tiền thu do thanh lý; nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		559.877.262	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(17.500.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay; bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(27.500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		15.463.041.324	12.452.962.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.419.608.217)	(7.547.037.574)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.613.800.000)	(16.102.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.201.009.287)	(1.767.632.855)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.787.015.696	20.554.648.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		148.829.944	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	6.734.836.353	18.787.015.696

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Vũ Thị Lan



Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*), tương đương 15.000.000 cổ phần (*10.000 đồng/cổ phần*).

Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Mã cổ phiếu là: VFR.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con, 04 công ty liên kết gián tiếp. Cụ thể:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Số 51 Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, Đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên	94,33%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	Số 35, Đường Minh Khai, Phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	74 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%

<u>Tên Công ty liên kết gián tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	30%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh	20%
Công ty TNHH Hankyu – Hanshin Express Việt Nam	Phòng 1, tầng 7 tòa nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	49%
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Số 29 - 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Số lao động tại ngày 31/12/2022 của Công ty là 26 người.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn; và
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| - Phần mềm kế toán quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Theo thời gian thực tế |

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn của công ty là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, phí bảo hiểm thuê tàu, tiền thuê đất và chi phí khác.

Chi phí trả trước dài hạn của công ty là sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Thăng Long, sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Bluelotus, dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai thác hàng hóa và chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ không quá 3 năm.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iii) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

4.14. Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay phát sinh trong năm tài chính.

4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế; 8% và 10% với các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Phó Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 8.2.

4.21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động vận tải biển, Hoạt động giao nhận vận tải, Hoạt động kinh doanh kho bãi và các hoạt động khác.

Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và ngoài nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	7.997.066	7.469.426
Tiền gửi ngân hàng	6.726.839.287	7.779.546.270
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
Cộng	6.734.836.353	18.787.015.696

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	1.310.834.975	1.617.015.041
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Quốc tế ITC	-	759.452.324
- Công ty TNHH Vận tải biển Hải Phương	768.000.000	768.000.000
- World Courier ASia (Thai Lan) co.,Ltd	641.541.987	332.839.936
- Các khoản phải thu khách hàng khác	718.135.107	1.006.143.915
Cộng	3.438.512.069	4.483.451.216
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	1.310.834.975	1.617.015.041
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	-	102.213.425
Cộng	1.310.834.975	1.719.228.466

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long (*)	605.000.000	605.000.000
- Ban đền bù dự án (*)	200.000.000	200.000.000
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (*)	882.748.175	882.748.175
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	568.761.754	584.348.808
Cộng	2.256.509.929	2.272.096.983

(*) Các khoản trả trước cho các nhà thầu thi công Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.4. Phải thu về cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.000.000.000	7.700.000.000
- Công ty TNHH Phát triển Du lịch Mỹ Anh (1)	8.000.000.000	7.700.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn	4.500.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (2)	4.500.000.000	-
- Công ty TNHH Phát triển Du lịch Mỹ Anh	-	20.000.000.000
Cộng	12.500.000.000	27.700.000.000

(1) Theo hợp đồng số 02/2022/HĐVV/VFR-MYANH ngày 16/11/2022; số tiền cho vay là 8.000.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính, không có tài sản đảm bảo.

(2) Theo Hợp đồng số 01/2022/HĐVV/VFR-VHSC ngày 01/08/2022; số tiền cho vay 4.500.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 18 tháng; mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính, không có tài sản đảm bảo.

5.5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn	8.242.030.217	-	9.500.069.696	-
- Thuế các hãng tàu	5.229.252.224	-	5.229.333.970	-
- Dự thu lãi tiền cho vay	393.548.205	-	2.131.857.530	-
- Tạm ứng	46.631.000	-	44.000.000	-
- Phải thu khác	2.572.598.788	-	2.094.878.196	-
b) Các khoản phải thu khác dài hạn	404.060.520	-	404.060.520	-
- Ký cược, ký quỹ	347.125.000	-	347.125.000	-
- Phải thu khác	56.935.520	-	56.935.520	-
Cộng	8.646.090.737	-	9.904.130.216	-
c) Phải thu các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	496.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU
Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.6. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên (100%)	703.295.411	-	(703.295.411)	703.295.411	-	(703.295.411)
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	(40.792.800)	40.792.800	-	(40.792.800)
Công ty TNHH Hong Myung Việt Nam	10.198.200	-	(10.198.200)	10.198.200	-	(10.198.200)
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng	414.021.020	-	(414.021.020)	414.021.020	-	(414.021.020)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	(214.450.000)	214.450.000	-	(214.450.000)
Các công ty khác	23.833.391	-	(23.833.391)	23.833.391	-	(23.833.391)
Cộng	703.295.411	-	(703.295.411)	703.295.411	-	(703.295.411)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.7. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí khác	1.814.672	18.251.004
Cộng	1.814.672	18.251.004
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn, cấp giấy chứng nhận tàu Blue Lotus	66.304.631	1.135.909.447
Dự án nhà điều hành kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)	4.762.635.436	4.762.635.436
Chi phí khác	61.346.341	140.079.084
Cộng	4.890.286.408	6.038.623.967

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.8. Đầu tư tài chính

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a, Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	(*)	-	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	(*)	-	(*)
b, Đầu tư tài chính dài hạn	159.750.000.000	(*)	-	(*)
- Đầu tư vào Công ty con	82.300.000.000	(*)	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh (1)	12.000.000.000	(*)	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng (2)	30.000.000.000	(*)	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội (3)	12.000.000.000	(*)	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên (4)	28.300.000.000	(*)	-	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77.450.000.000	(*)	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (5)	77.450.000.000	(*)	-	(*)
Cộng	164.750.000.000	(*)	-	132.250.000.000
				(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh ĐẠI AN – PGD Đào Tấn với số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), kỳ hạn gửi 6 tháng, chỉ tái tục gốc, lãi được trả vào tài khoản.

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

- (1) Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh là 100%. Doanh thu của Công ty trong năm 2022 là 41.615.522.617 VND, lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2.604.252.496 VND.
- (2) Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng thành lập và hoạt động tại Hải Phòng với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng là 100%. Doanh thu của Công ty trong năm 2022 là 34.493.048.228 VND, lợi nhuận kế toán trước thuế là 273.178.028 VND.
- (3) Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động chính là hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải, chuẩn bị mặt bằng, đại lý môi giới đầu giá. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht HN là 100%. Doanh thu của Công ty trong năm 2022 là 0 VND, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm 2022 là 9.793.708.042 VND.
- (4) Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên thành lập và hoạt động tại Hưng Yên với hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên là 94,33%. Doanh thu trong năm 2022 của Công ty là: 10.203.489.725 VND, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty đạt 3.778.122.548 VND.
- (5) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 4,68%.

(*) Xem tại phần thuyết minh giá trị hợp lý tại 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	19.037.396.043	154.033.636	349.520.213.271	707.186.260	369.418.829.210
Mua trong năm	-	142.526.803	-	-	142.526.803
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.395.196.364	-	2.395.196.364
Tại ngày 31/12/2022	19.037.396.043	296.560.439	347.125.016.907	707.186.260	367.166.159.649
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	12.396.276.723	72.242.304	314.390.964.034	707.186.260	327.566.669.321
Khấu hao trong năm	590.121.912	46.061.196	26.203.748.624	-	26.839.931.732
Thanh lý, nhượng bán			1.736.517.234		1.736.517.234
Tại ngày 31/12/2022	12.986.398.635	118.303.500	338.858.195.424	707.186.260	352.670.083.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	6.641.119.320	81.791.332	35.129.249.237	-	41.852.159.889
Tại ngày 31/12/2022	6.050.997.408	178.256.939	8.266.821.483	-	14.496.075.830

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 154.140.598.192 VND.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại ngày 31/12/2022: 8.266.821.483 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2022	7.355.097.914	156.000.000	7.511.097.914
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	<u>7.355.097.914</u>	<u>156.000.000</u>	<u>7.511.097.914</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2022	-	156.000.000	156.000.000
Khấu hao trong năm	21.669.900		21.669.900
Tại ngày 31/12/2022	<u>21.669.900</u>	<u>156.000.000</u>	<u>177.669.900</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	<u>7.355.097.914</u>	-	<u>7.355.097.914</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>7.333.428.014</u>	-	<u>7.333.428.014</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 156.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Promarine Law office	533.984.700	533.984.700	517.086.450	517.086.450
- Chi nhánh công ty cổ phần quốc tế Lô-gi-стик Hoàng Hà	175.421.716	175.421.716	89.221.196	89.221.196
- Phải trả cho các đối tượng khác	953.663.512	953.663.512	1.134.222.836	1.134.222.836
Cộng	1.663.069.928	1.663.069.928	1.740.530.482	1.740.530.482

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các loại thuế	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
	- Thuế Xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	-	20.301.526
- Thuế TNDN	219.812.242	-	-	-	219.812.242	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	438.945.400	-	2.686.506.437	2.737.848.137	490.287.100	-
- Thuế GTGT	-	109.803.403	2.307.581.780	2.213.397.722	-	203.987.461
- Thuế TNCN	-	485.711.585	67.938.044	47.769.741	-	505.879.888
- Các loại thuế khác	828.523	5.296.727.262	5.000.000	5.000.000	828.523	5.296.727.262
Cộng	679.887.691	5.892.242.250	5.067.026.261	5.004.015.600	731.229.391	6.006.594.611

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay dự trả	32.781.920.881	28.460.068.380
Các khoản trích trước khác	260.658.739	279.268.012
Cộng	33.042.579.620	28.739.336.392

5.14. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.622.557.520	7.594.759.381
- Kinh phí công đoàn	32.589.293	45.669.293
- Bảo hiểm xã hội	27.221.520	31.923.739
- Bảo hiểm y tế	-	69.441
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	156.340
- Phải trả, phải nộp khác	3.520.746.707	7.516.940.568
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	132.015.083	4.114.672.577
+ Các đối tượng khác	3.388.731.624	3.402.267.991
- Nhận ký quỹ, ký cược	42.000.000	-
b) Dài hạn	15.479.666.990	15.502.076.255
- Phải trả dài hạn khác	5.891.228.115	5.891.228.115
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	4.230.000.000	4.230.000.000
+ Xí nghiệp Mol Phía Bắc	1.371.639.899	1.371.639.899
+ Phải trả dài hạn khác	289.588.216	289.588.216
- Nhận ký quỹ, ký cược	9.588.438.875	9.610.848.140
Cộng	19.102.224.510	23.096.835.636
c) Phải trả khác các bên liên quan		
- Công ty TNHH một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	132.015.083	4.114.672.577

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (*)						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	40.494.746.747	40.494.746.747	1.439.956.852	13.196.104.000	28.738.599.599	28.738.599.599
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	28.421.492.159	28.421.492.159	992.421.579	3.417.696.000	25.996.217.738	25.996.217.738
Cộng	68.916.238.906	68.916.238.906	2.432.378.431	16.613.800.000	54.734.817.337	54.734.817.337
b) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(*) Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) và Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (VFR) ngày 24/06/2020 thì PG Bank đồng ý cho VFR thực hiện trả nợ theo lộ trình 06 năm (2020 – 2025); PG Bank đồng ý miễn giảm toàn bộ lãi phạt gốc, phạt lãi đã phát sinh khi VFR trả hết nợ vay theo đúng lộ trình; Giảm lãi cho Hợp đồng tín dụng số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 từ 4,5%/năm về 3%/năm và giữ nguyên lãi suất với Hợp đồng tín dụng số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 là 2,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN**5.16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(49.015.008.879)	137.409.252.294
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(16.901.065.775)	(16.901.065.775)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2022	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(65.916.074.654)	120.508.186.519
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(11.236.487.523)	(11.236.487.523)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(77.152.562.177)	109.271.698.996

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn của Chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ tại	01/01/2022	Tỷ lệ tại
	VND	31/12/2022	VND	01/01/2022
		%		%
Chi tiết các cổ đông				
Bà Vũ Thị Hạnh	25.038.190.000	16,69	25.038.190.000	16,69
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	20.865.160.000	13,91	20.865.160.000	13,91
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Ba Đình	29.158.000.000	19,44	29.158.000.000	19,44
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hòa An	19.663.000.000	13,11	19.663.000.000	13,11
Bà Nguyễn Thị Thanh	18.778.650.000	12,52	18.778.650.000	12,52
Bà Vũ Thị Kim Thanh	15.069.000.000	10,05	15.069.000.000	10,05
Các cổ đông khác	21.428.000.000	14,29	21.428.000.000	14,29
Cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	100

c) Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

e) Các quỹ của Doanh Nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.410.429.248	3.410.429.248
Cộng	36.424.261.173	36.424.261.173

f) Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ: USD	31/12/2022	01/01/2022
	USD	USD
+ Tiền mặt	265,91	265,91
Tiền mặt ngoại tệ	265,91	265,91
+ Tiền gửi ngân hàng	8.168,96	21.405,44
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	7.879,96	21.116,44
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	289,00	289,00
Cộng	8.434,87	21.671,35

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển	16.014.545.448	23.907.192.905
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	6.867.793.717	3.699.891.568
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.216.696.355	5.183.707.520
Cộng	28.099.035.520	32.790.791.993
Doanh thu với các bên liên quan	1.525.174.140	1.037.548.075
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	1.525.174.140	1.037.548.075
Các khoản giảm trừ doanh thu	424.019.500	-
- Giảm giá hàng bán	424.019.500	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.099.035.520	32.790.791.993

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn dịch vụ vận tải biển	27.461.931.063	46.339.945.275
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải	6.999.250.928	4.367.716.137
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.656.403.289	2.571.059.967
Cộng	36.117.585.280	53.278.721.379

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.653.238.573	2.989.393.398
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.071.493.426	11.084.062.175
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	2.341.071	41.063.719
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.646.869.686
Cộng	13.727.073.070	15.761.388.978

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	3.326.031.170	3.976.849.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.010.779	8.818.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.315.308.751	-
Chi phí tài chính khác	-	195.001.177
Cộng	6.642.350.700	4.180.669.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.629.216.700	3.146.658.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.306.728	27.506.747
Chi phí nguyên vật liệu	26.022.546	71.671.815
Thuế, phí, lệ phí	2.661.055.136	1.970.811.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.340.492.131	2.633.501.401
Chi phí bằng tiền khác	266.983.584	229.609.829
Chi phí dự phòng	104.000.000	72.000.000
Cộng	8.050.076.825	8.151.759.920

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản khác	156.128.884	330.153.290
Cộng	156.128.884	330.153.290

6.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lỗ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	98.801.868	-
+ Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ	559.877.262	-
+ Giá trị còn lại của tài sản	658.679.130	-
- Các khoản chi phí khác	1.882.212.807	166.732.181
Cộng	1.981.014.675	166.732.181

6.8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.232.809.506)	(16.895.548.751)
Các khoản chi phí không được trừ	1.824.961.626	74.975.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	11.071.493.426	11.084.062.175
- Cổ tức lợi nhuận được chia	11.071.493.426	11.084.062.175
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(20.479.341.306)	(27.904.635.926)
Chuyển lỗ từ những năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.678.017	5.517.024
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.678.017	5.517.024

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	26.022.546	5.328.407.289
Chi phí nhân công	3.739.868.263	5.736.068.677
Khấu hao tài sản cố định	26.861.601.632	29.493.322.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.140.016.227	18.444.299.006
Chi phí bằng tiền khác	3.400.153.437	2.428.384.296
Cộng	44.167.662.105	61.430.481.299

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(16.613.800.000)	(16.102.800.000)

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Lãnh đạo cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.734.836.353	-	6.734.836.353
Phải thu khách hàng	3.438.512.069	-	3.438.512.069
Phải thu về cho vay	8.000.000.000	4.500.000.000	12.500.000.000
Đầu tư	-	159.750.000.000	159.750.000.000
Phải thu khác	8.242.030.217	404.060.520	8.646.090.737
Cộng	26.415.378.639	164.654.060.520	191.069.439.159
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(703.295.411)	-	(703.295.411)
Tổng cộng	25.712.083.228	164.654.060.520	190.366.143.748
Tại 31/12/2022			
Phải trả người bán	1.663.069.928	-	1.663.069.928
Phải trả khác	3.622.557.520	15.479.666.990	19.102.224.510
Chi phí phải trả	33.042.579.620	-	33.042.579.620
Các khoản vay và nợ	54.734.817.337	-	54.734.817.337
Tổng cộng	93.063.024.405	15.479.666.990	108.542.691.395
Chênh lệch thanh khoản thuần	(67.350.941.177)	149.174.393.530	81.823.452.353
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.787.015.696	-	18.787.015.696
Phải thu khách hàng	4.483.451.216	-	4.483.451.216
Phải thu về cho vay	7.700.000.000	20.000.000.000	27.700.000.000
Đầu tư	-	132.250.000.000	132.250.000.000
Phải thu khác	9.500.069.696	404.060.520	9.904.130.216
Cộng	40.470.536.608	152.654.060.520	193.124.597.128
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(703.295.411)	-	(703.295.411)
Tổng cộng	39.767.241.197	152.654.060.520	192.421.301.717
Tại 01/01/2022			
Phải trả người bán	1.740.530.482	-	1.740.530.482
Phải trả khác	7.594.759.381	15.502.076.255	23.096.835.636
Chi phí phải trả	28.739.336.392	-	28.739.336.392
Các khoản vay và nợ	68.916.238.906	-	68.916.238.906
Tổng cộng	106.990.865.161	15.502.076.255	122.492.941.416
Chênh lệch thanh khoản thuần	(67.223.623.964)	137.151.984.265	69.928.360.301

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.734.836.353	18.787.015.696	6.734.836.353	18.787.015.696
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.084.602.806	14.387.581.432	11.381.307.395	13.684.286.021
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	159.750.000.000	132.250.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải thu về cho vay	12.500.000.000	27.700.000.000	12.500.000.000	27.700.000.000
Cộng	191.069.439.159	193.124.597.128	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.663.069.928	1.740.530.482	1.663.069.928	1.740.530.482
Phải trả khác	19.102.224.510	23.096.835.636	19.102.224.510	23.096.835.636
Chi phí phải trả	33.042.579.620	28.739.336.392	33.042.579.620	28.739.336.392
Các khoản vay và nợ	54.734.817.337	68.916.238.906	54.734.817.337	68.916.238.906
Cộng	108.542.691.395	122.492.941.416	108.542.691.395	122.492.941.416

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.2 Thông tin về các bên có liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên

Công ty con

Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội

Công ty con

Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng

Công ty con

Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam

Công ty liên kết gián tiếp

Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam

Công ty liên kết gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Công ty liên kết gián tiếp
Ông Nguyễn Năng Tuyền	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Trần Bình Phú	Thành viên HĐQT
Ông Đào Nguyên Đăng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/10/2022)
Bà Vũ Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng (Từ ngày 19/01/2023)
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Trưởng ban kiểm soát
Ông Kiều Mạnh Hùng	Thành viên BKS

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Ngoài thuyết minh về các bên liên quan nêu trên, giao dịch với các bên liên quan này trong năm tài chính như sau:

Đối tượng	Nội dung VND	Số tiền VND
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Thu tiền	2.008.513.662
	Bù trừ công nợ	104.297.667
	Giảm giá hàng bán	424.019.500
	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2.215.383.446
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Thu hộ	4.824.757.385
	Chi hộ	8.807.414.879
	Mua dịch vụ	1.110.736.263
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Trả tiền dịch vụ	1.212.949.688
	Thu tiền cổ tức	2.900.000.000
	Cổ tức được chia	3.396.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên VIETFRACHT Hà Nội	Cổ tức được chia	7.675.493.426
	Chi hộ	54.000.000

Thu nhập của Ban lãnh đạo được hưởng trong năm tài chính:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT	58.500.000	58.500.000
Ông Nguyễn Năng Tuyền	Thành viên HĐQT	52.000.000	52.000.000
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên HĐQT	52.000.000	-
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc	318.383.273	382.444.232
Ông Đào Nguyên Đăng	Phó Tổng giám đốc phụ trách	429.395.130	284.415.544
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc	-	107.974.096
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Trưởng BKS	52.000.000	52.000.000
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên BKS	41.600.000	41.600.000
Ông Kiều Mạnh Hùng	Thành viên BKS	41.600.000	22.506.667

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

8.3 Báo cáo bộ phận

8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ giao	Dịch vụ khác	Tổng cộng
	biển	nhận vận tải		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.014.545.448	6.867.793.717	5.216.696.355	28.099.035.520
Các khoản giảm trừ doanh thu			424.019.500	424.019.500
Giá vốn hàng bán	27.461.931.063	6.999.250.928	1.656.403.289	36.117.585.280
Lợi nhuận gộp	(11.447.385.615)	(131.457.211)	3.136.273.566	(8.442.569.260)
Tổng giá trị còn lại của tài sản	-	-	-	225.075.487.992
Nợ phải trả	-	-	-	115.803.788.996
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	-	-	-	(142.526.803)
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	37.283.139.776

Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI
Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

Năm trước	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ giao nhận	Dịch vụ khác	Tổng cộng
	biến VND	vận tải VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	23.907.192.905	3.699.891.568	5.183.707.520	32.790.791.993
Giá vốn hàng bán	46.339.945.275	4.367.716.137	2.571.059.967	53.278.721.379
Lợi nhuận gộp	(22.432.752.370)	(667.824.569)	2.612.647.553	(20.487.929.386)
Tổng giá trị còn lại của tài sản	-	-	-	250.643.140.591
Nợ phải trả	-	-	-	130.135.954.072
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	-	-	-	39.914.860.175
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	22.756.403.132	5.342.632.388	28.099.035.520
Giảm trừ doanh thu	424.019.500	-	424.019.500
Giá vốn	31.650.611.211	4.466.974.069	36.117.585.280
Lợi nhuận gộp	(9.318.227.579)	875.658.319	(8.442.569.260)
	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Năm trước			
Doanh thu thuần	21.763.814.212	11.026.977.781	32.790.791.993
Giá vốn	43.666.986.261	9.611.735.115	53.278.721.376
Lợi nhuận gộp	(21.903.172.049)	1.415.242.666	(20.487.929.383)

8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

8.6 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.7 Thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương

Vũ Thị Lan

Đào Nguyên Đặng